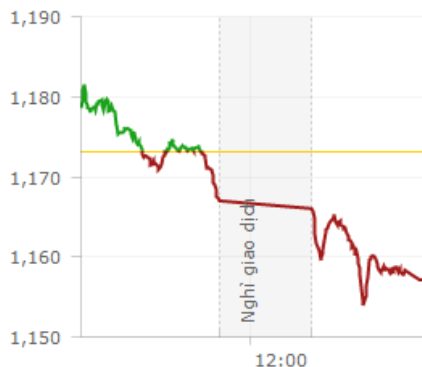


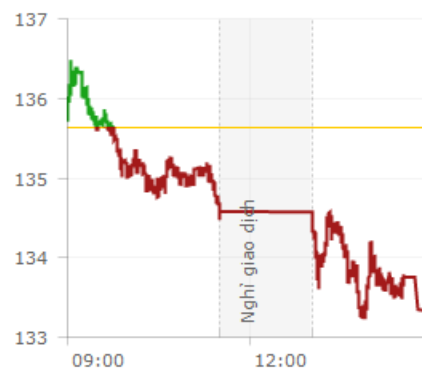
BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VÀ XU THẾ THEO NGÀY

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TUẦN 09/04/2018 – 13/04/2018

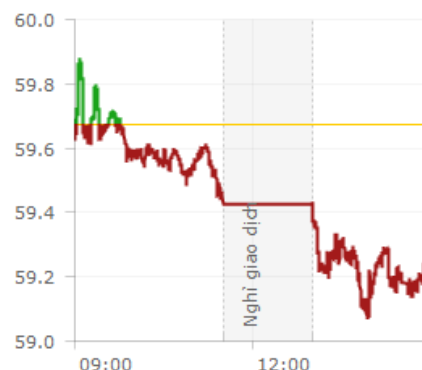
Vn-index: 15.88 điểm (1.35%)



Hnx-index: 2.29 điểm (1.69%)



Upcom-index: 0.35 điểm (0.59%)



Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn:

Giảm

Xu thế trung hạn:

Điều Chỉnh

Xu thế dài hạn:

Tăng

Tổng hợp: (Phiên giao dịch ngày 13/04/2018). Phiên cuối tuần với sắc đỏ lan rộng trên thị trường đã khép lại một tuần giao dịch rất ảm đảm sau 2 tháng tăng điểm liên tiếp. Kết thúc tuần giao dịch, chỉ số Vn-index giảm 42,82 điểm (3,57%) xuống 1.157,14 điểm với khối lượng giao dịch đạt 1.200,36 triệu CP, trị giá 39.901,2 tỷ đồng; Chỉ số Hn-index giảm 4,69 điểm (3,4%) xuống 133,33 điểm với khối lượng giao dịch đạt 318 triệu CP, trị giá 5.499,08 tỷ đồng.

Thanh khoản: Thanh khoản thị trường tuần qua có sự sụt giảm nhẹ với tổng khối lượng giao dịch trên 2 sàn đạt 1.518,36 triệu CP, trị giá 54.400,27 tỷ đồng. Trung bình khối lượng giao dịch trong phiên giảm 3% trên sàn HSX và tăng 6% trên sàn HNX. Giao dịch thỏa thuận trong tuần có hơn 168 triệu CP, trị giá hơn 7.363 tỷ đồng và chủ yếu tập trung ở nhóm CP vốn hóa lớn với ngân hàng.

Diễn biến: Thị trường chứng khoán Việt Nam tuần qua giao dịch rất tiêu cực với số phiên giảm điểm áp đảo cả về biên độ lẫn khối lượng khớp lệnh. Mở phiên đầu tuần với tín hiệu tích cực vẫn khá rõ nét mặc dù đã bắt đầu xuất hiện những tín hiệu trái chiều trên 2 sàn. Nhóm CP tài chính và BĐS - xây dựng là nhóm dẫn dắt và nâng đỡ thị trường với những mã chứng khoán khá tên tuổi như SSI, VND, HCM, VCI, MBS... và một vài mã ngân hàng như HDB, CTG, SHB... Bên cạnh đó, dòng CP BĐS - xây dựng cũng nổi sóng với khá nhiều mã tăng điểm như CEO, DIG, DXG, FCN, HBC, KDH, LDG, CTI....

Những phiên tiếp theo thị trường đã bộc lộ dần những tín hiệu bất ổn, bắt đầu với sự đồng thuận giảm điểm trên 2 sàn trong phiên ngày thứ 3. Nổi tiếp đó là những tín hiệu khá rõ ràng khi thị trường điều chỉnh rất mạnh trong bối cảnh không có thông tin về kinh tế bất thường ảnh hưởng xấu đến thị trường trong phiên thứ ngày thứ 4, đã chính thức phát đi thông báo cho xu hướng điều chỉnh xuất hiện. Theo đó, nhóm CP đầu tàu là tài chính đua nhau sụt giảm với biên độ rất lớn. Hoàng loạt các CP như BID, ACB, MBB, STB, VCB, VPB, HCM, SSI, VND... kết thúc phiên giảm từ 2% đến 6%. Không những thế áp lực bán còn lan rộng đến dòng CP BĐS khiến cho các CP vốn hóa lớn như VIC, VRE và dòng CP tầm trung, nhỏ như DXG, FLC, LDG, VPH, KBC, HDG, HAR.. lao dốc. Sau phiên giảm mạnh, thị trường có phiên hồi lại khá nhẹ nhàng, nhưng không gây hiệu ứng mạnh mẽ.

Phiên cuối tuần không ngoài dự đoán của nhiều nhà đầu tư khi mà xu hướng tiêu cực đang dần hiện rõ. Vì thế nỗ lực phục hồi đầu phiên, không kéo dòng tiền quay lại thị trường mà chỉ là cơ hội chớp nhoáng để căn bán ra. Về cuối phiên áp lực bán vẫn khá lớn và chủ yếu tập trung ở nhóm CP ngân hàng. Cụ thể, các mã như BID, CTG, VCB, VPB, MBB... đều lao dốc. Trong đó, VCB giảm 4,2% xuống 67.900 đồng/CP. MBB giảm 4,9% xuống 33.100 đồng/CP. BID giảm 5,4% xuống 42.000 đồng/CP. Bên cạnh nhóm nhóm CP đầu khí sau phiên hồi nhẹ hôm qua, thì hôm nay cũng quay đầu điều chỉnh. Các mã như PVS, GAS, PVC, PVD, PLX... đều bị bán mạnh. PLX giảm 4,4% xuống 76.500 đồng/CP. PVC giảm 5,7% xuống 6.600 đồng/CP. PVS giảm 4,5% xuống 21.400 đồng/CP. Ngoài hai nhóm này, thị trường ghi nhận thêm sự giảm sâu một số cổ phiếu vốn hóa lớn VRE, HSG, BVH... và điều này khiến đà giảm của hai chỉ số bị nới rộng thêm đáng kể.

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: **Giảm**
 Xu thế trung hạn: **Điều Chỉnh**
 Xu thế dài hạn: **Tăng**

Khôi ngoại: Trái ngược với tuần trước, mặc dù thị trường giảm điểm nhưng khôi ngoại lại quay trở lại trạng thái mua ròng nhẹ. Cụ thể, trên sàn HSX, họ giao dịch trị giá 13.718,52 tỷ với giá trị bán ròng đạt 0,88 tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối ngoại giao dịch trị giá 610,32 tỷ với giá trị mua ròng đạt 159,36 tỷ đồng. Tính chung lại khối ngoại đã mua ròng 160,24 tỷ đồng trên 2 sàn trong tuần qua.

Nhóm ngành: Sự điều chỉnh của 2 chỉ số khiến cho hầu hết các nhóm ngành đều đóng tuần trong sắc đỏ. Chỉ có 2 nhóm ngành tài nguyên cơ bản và điện nước là đi ngược thị trường với mức tăng 2,41% và 0,38%.

Nhóm CP vốn hóa lớn: Nhóm CP vốn hóa lớn chủ yếu diễn biến trong xu hướng tiêu cực, chỉ có 2 mã SAB và HPG là có được sắc xanh, còn lại các mã như VNM, CTG, BID, VRE, VIC, VJC, MSN, BVH, VCB đều chìm trong sắc đỏ.

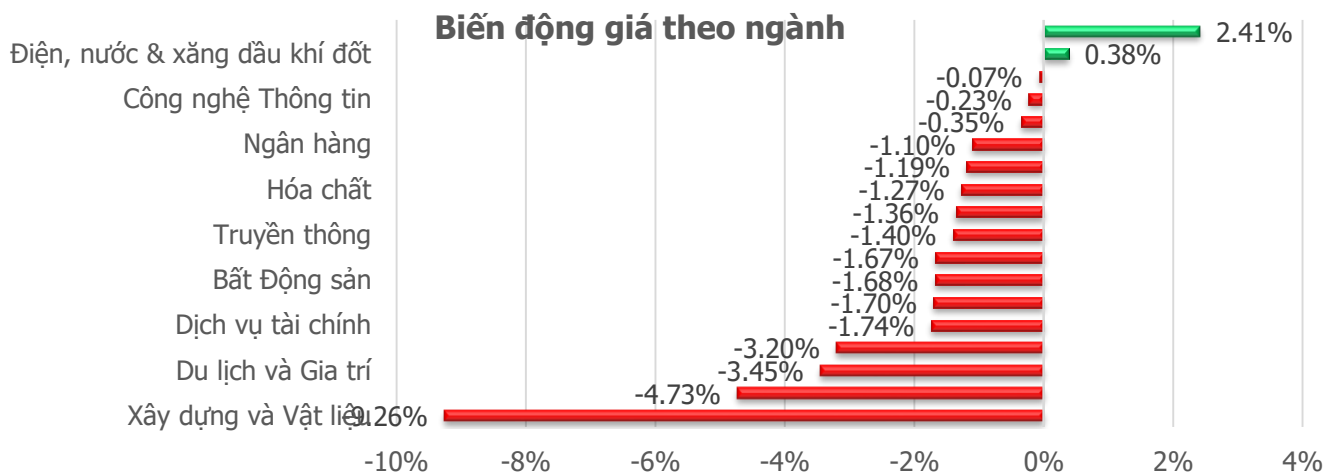
Nhóm CP tài chính: Một tuần đầy sóng gió với dòng CP này khi phần lớn đều chịu áp lực bán khá lớn, và đây chính là một trong những nguyên nhân khiến cho thị trường rục rủa trong tuần này.

Nhóm CP BĐS – Xây dựng: Giảm mạnh nhất với biên độ giảm tới 9,26% là nhóm ảnh hưởng lớn nhất đến sự sụt giảm của thị trường với 2 mã đầu ngành là VIC và VRE.

Nhóm CP giao dịch đột biến: Giao dịch đột biến trong tuần qua tập trung ở cả nhóm CP vốn hóa lớn và nhóm CP vốn hóa trung bình. Nhóm CP vốn hóa lớn nổi bật với 3 CP là BID, HSG, và VCB có khối lượng khớp lệnh từ 3,3 triệu đến 4,37 triệu CP. Nhóm vốn hóa trung bình có HAG, ASM và IDI với khối lượng khớp 3,6 triệu đến 6,6 triệu CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Phiên tăng điểm hôm qua chỉ là một tín hiệu phục hồi giả tạo, không đủ dư âm kéo thị trường quay lại tăng điểm. Sự đồng thuận giảm điểm trên 2 sàn với biên độ lớn hơn rất nhiều so với phiên tăng hôm qua đã kết thúc một tuần giao dịch rất ảm đạm của TTCK Việt Nam. Xét về phân tích kỹ thuật đều đang cho dấu hiệu rất xấu ở cả biểu đồ ngày và tuần. Cụ thể, trên biểu đồ tuần là những mô hình nền đảo chiều "Bearish Engulfing" và "Dark Cloud Cover" trên 2 chỉ số Vn-index và Hn-index. Bên cạnh đó, còn có những dấu hiệu khá rõ nét của MACD trên biểu đồ ngày, cộng với thanh khoản trong những phiên giảm điểm lớn hơn phiên phục hồi, cho ta thấy xu hướng điều chỉnh đã bắt đầu. Chúng tôi đã liên tiếp khuyến nghị giảm tỷ trọng CP trong 3 phiên gần đây, và sẽ duy trì quan điểm này trong tuần tới. Kiên quyết cắt lỗ, hạn chế mọi hành động bắt đáy và đưa tài khoản về trạng thái an toàn là điều chúng ta nên cân nhắc trong giai đoạn hiện nay.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH THEO TUẦN



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN THEO NGÀY

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	107,000	7,000	7.00%	1,363,620
PIT	5,990	390	6.96%	710
LGC	17,750	1,150	6.93%	650
VPG	17,950	1,150	6.85%	108,550
BIC	32,800	2,100	6.84%	24,140

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KHB	800	100	14.29%	165,430
NFC	9,900	900	10.00%	100
HVA	3,300	300	10.00%	183,950
BLF	3,300	300	10.00%	1,100
SMT	28,600	2,600	10.00%	100

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PTL	3,250	-240	-6.88%	18,700
HRC	23,700	-1,750	-6.88%	11,410
BTT	35,300	-2,600	-6.86%	30
HOT	55,700	-4,100	-6.86%	2,140
BBC	77,800	-5,700	-6.83%	3,570

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SDA	2,700	-300	-10.00%	500
PXA	900	-100	-10.00%	160,700
PPE	11,700	-1,300	-10.00%	100
TMX	8,100	-900	-10.00%	100
X20	18,200	-2,000	-9.90%	100

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HAG	5,480	200	3.79%	6,626,840
ASM	13,600	-100	-0.73%	5,252,260
VCB	67,900	-3,000	-4.23%	5,148,440
HSG	19,750	-1,250	-5.95%	4,366,250
IDI	14,200	100	0.71%	3,587,000

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	8,900	-200	-2.20%	2,319,964
CEO	15,300	-300	-1.92%	2,100,744
VGC	23,600	0	0.00%	1,820,360
DST	3,500	200	6.06%	1,628,738
PVC	6,600	-400	-5.71%	1,512,160

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

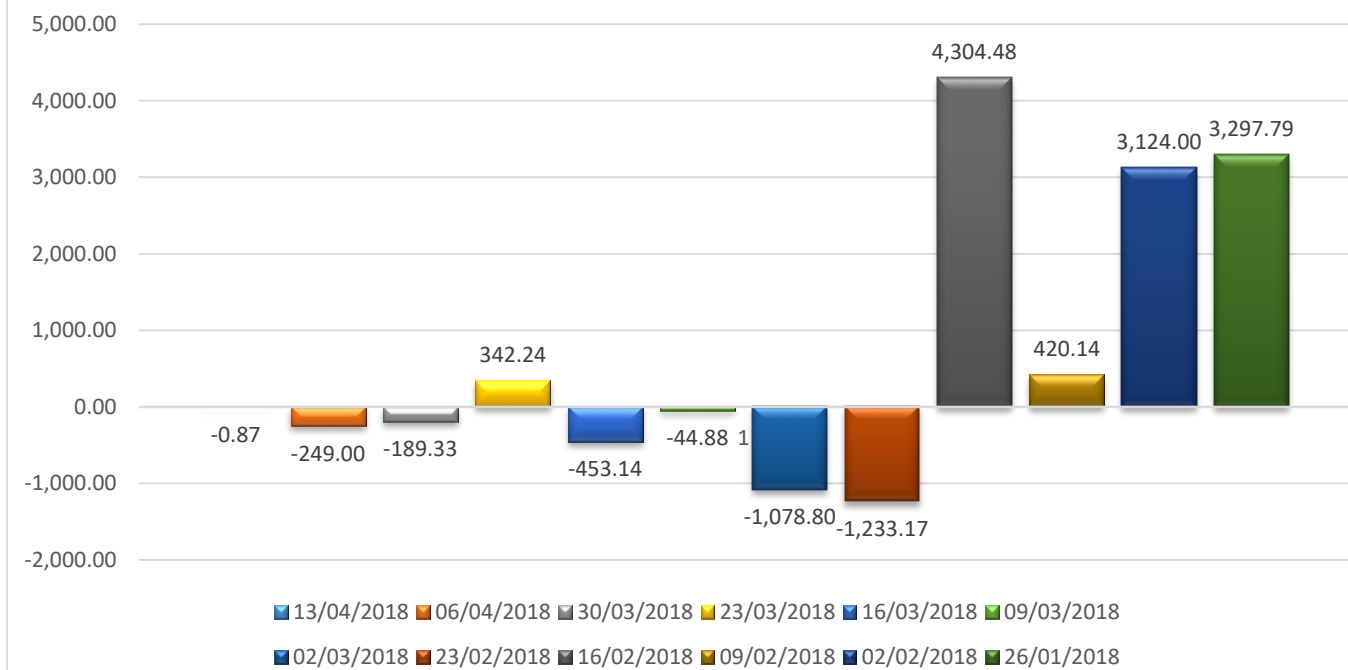
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
CTG	34,200	-1,500	-4.20%	8,955,730
STB	15,450	-150	-0.96%	8,574,840
MBB	33,100	-1,700	-4.89%	7,119,030
HAG	5,480	200	3.79%	6,626,840
ASM	13,600	-100	-0.73%	5,252,260

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

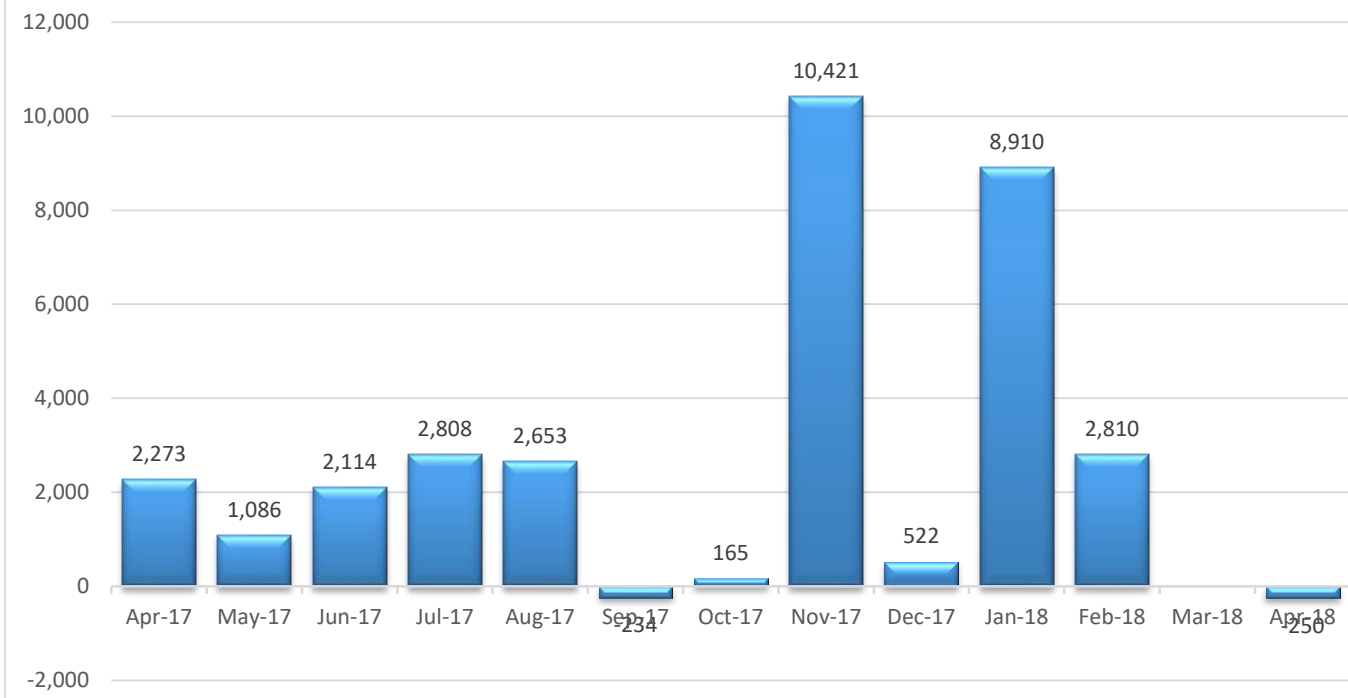
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	13,200	-300	-2.22%	14,148,721
PVS	21,400	-1,000	-4.46%	4,185,505
ACB	48,500	-1,400	-2.81%	3,102,131
HUT	8,900	-200	-2.20%	2,319,964
CEO	15,300	-300	-1.92%	2,100,744

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tuần gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM THEO NGÀY

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	93,591	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.59	2.90	5,509,951	61,200	108.56%
2	VNM	10.90%	284,883	16,105	7,094	32.2%	44.5%	27.67	12.19	2,350,965	195,700	41.06%
3	ACV	9.00%	204,437	12,556	1,883	8.5%	15.9%	49.86	7.48	193,513	94,400	89.11%
4	KDH	6.30%	16,289	15,517	1,951	5.7%	9.5%	21.53	2.71	472,723	42,000	99.34%
5	PNJ	6.10%	20,139	27,285	7,043	17.9%	32.6%	26.45	6.83	404,678	186,000	148.25%
6	VJC	4.70%	94,782	22,237	10,108	17.4%	61.2%	20.78	9.44	1,466,162	211,800	125.77%
7	QNS	3.20%	12,801	18,382	4,199	15.7%	24.5%	12.50	2.86	235,570	51,900	-43.93%
8	EIB	3.10%	18,134	11,535	669	0.6%	5.9%	22.04	1.28	2,566,295	14,850	26.61%
9	CTD	3.00%	12,370	94,830	21,386	12.0%	24.4%	7.39	1.67	241,903	153,000	-19.87%
10	PVS	2.60%	10,006	24,054	1,792	3.2%	6.7%	12.50	0.93	6,865,104	21,400	37.31%
	Tổng	62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	54,116	15,604	1,953	0.8%	14.1%	25.55	3.20	4,443,885	48,500	137.62%
2	MWG	7.20%	33,419	18,632	7,130	11.7%	45.2%	14.52	5.55	691,352	105,400	23.50%
3	MBB	7.07%	63,180	15,516	1,953	1.2%	12.5%	17.82	2.24	6,475,109	33,100	143.15%
4	VNM	6.27%	284,883	16,105	7,094	32.2%	44.5%	27.67	12.19	2,350,965	195,700	41.06%
5	KDH	5.13%	16,289	15,517	1,951	5.7%	9.5%	21.53	2.71	472,723	42,000	99.34%
6	HPG	4.04%	93,591	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.59	2.90	5,509,951	61,200	108.56%
7	FPT	4.00%	33,933	21,525	5,527	10.7%	23.8%	11.51	2.95	2,592,524	62,000	60.31%
8	GAS	3.94%	249,770	21,678	5,061	16.3%	23.0%	25.78	6.02	786,801	128,000	146.36%
9	ACV	3.59%	204,437	12,556	1,883	8.5%	15.9%	49.86	7.48	193,513	94,400	89.11%
10	VJC	3.37%	94,782	22,237	10,108	17.4%	61.2%	20.78	9.44	1,466,162	211,800	125.77%
	Tổng	51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	99,428	18,907	4,426	2.5%	27.5%	15.00	3.51	3,676,552	64,100	0.00%
2	MWG	13.30%	33,419	18,632	7,130	11.7%	45.2%	14.52	5.55	691,352	105,400	23.50%
3	PNJ	8.57%	20,139	27,285	7,043	17.9%	32.6%	26.45	6.83	404,678	186,000	148.25%
4	FPT	4.88%	33,933	21,525	5,527	10.7%	23.8%	11.51	2.95	2,592,524	62,000	60.31%
5	MBB	4.79%	63,180	15,516	1,953	1.2%	12.5%	17.82	2.24	6,475,109	33,100	143.15%
6	DHG	4.63%	14,683	21,013	4,913	16.0%	22.8%	22.86	5.34	311,629	113,200	31.74%
7	CTD	4.60%	12,370	94,830	21,386	12.0%	24.4%	7.39	1.67	241,903	153,000	-19.87%
8	CII	4.18%	7,991	17,633	6,208	9.8%	25.4%	5.23	1.84	1,405,859	32,400	-12.18%
9	CTI	3.52%	2,262	18,663	2,681	3.6%	12.8%	13.39	1.92	511,853	33,800	24.52%
10	VCI	3.41%	13,438	25,162	5,895	13.8%	30.5%	19.00	4.45	207,023	108,100	0.00%
	Tổng	62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	9.41%	334,989	12,008	1,692	2.3%	8.9%	75.07	10.58	2,732,562	127,600	202.02%
2	NVL	7.34%	63,096	19,411	2,488	4.7%	17.5%	29.66	3.80	4,288,718	74,500	36.74%
3	VNM	7.23%	284,883	16,105	7,094	32.2%	44.5%	27.67	12.19	2,350,965	195,700	41.06%
4	CTG	7.11%	132,926	17,046	1,996	0.7%	12.0%	17.88	2.09	5,863,991	34,200	108.05%
5	MSN	7.00%	106,842	12,819	2,748	4.5%	15.3%	37.11	7.96	2,038,438	102,500	122.71%
6	ROS	5.46%	47,300	12,003	1,794	9.1%	16.0%	55.75	8.33	1,352,589	107,000	-36.05%
7	HPG	5.30%	93,591	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.59	2.90	5,509,951	61,200	108.56%
8	Mani	5.24%	112	12,356	1,115	6.9%	9.0%	7.00	0.63	16,664	7,800	-3.34%
9	SSI	5.17%	20,994	17,074	2,373	7.3%	14.7%	17.70	2.46	5,639,446	41,300	90.45%
10	Eclat	4.57%	22	16,672	1,638	7.7%	9.4%	7.69	0.76	1,936	12,600	7.69%
11	BVH	3.78%	72,538	20,231	2,286	1.9%	11.1%	46.63	5.27	555,208	104,200	84.43%
12	Synopex	3.76%	899	17,401	7,514	39.9%	46.1%	1.78	0.77	241,040	13,400	-12.42%
13	SOCO	3.29%	5,135	11,979	1,125	2.3%	5.3%	12.13	1.14	6,586	13,500	0.00%
14	RMIL	3.24%	11	10,220	884	0.0%	0.0%	11.32	0.98	202	10,000	0.00%
15	Hansae	3.04%	1,664	10,784	723	0.0%	0.0%	16.33	1.09	109	11,800	0.00%
16	VCG	2.73%	9,629	14,716	3,037	6.0%	17.5%	7.18	1.48	2,536,525	21,300	51.94%
17	STB	2.52%	28,137	12,326	655	0.3%	5.2%	23.81	1.27	11,738,516	15,450	22.35%
18	SBT	2.44%	9,636	12,619	1,197	3.3%	8.3%	14.45	1.37	4,985,827	17,650	-28.95%
19	TCH	2.28%	8,125	12,223	1,367	10.1%	11.2%	16.82	1.88	2,005,949	23,700	31.65%
20	MCNEX	1.65%	19	0	-1,325	0.0%	0.0%	-4.00	0.00	315	5,300	-16.01%
21	KDC	1.60%	8,268	24,797	1,649	3.4%	4.8%	24.37	1.62	455,403	39,600	1.11%
22	DPM	1.52%	8,375	20,113	1,775	7.0%	8.5%	12.06	1.06	910,053	20,900	0.89%
23	NT2	1.46%	9,212	17,317	2,819	7.1%	16.4%	11.35	1.85	421,932	31,600	11.27%
24	HAG	1.41%	4,897	15,067	347	0.6%	1.8%	15.20	0.35	6,875,762	5,480	-38.60%
25	HSG	1.20%	7,349	15,610	3,510	6.4%	24.3%	5.98	1.35	3,369,551	19,750	-24.10%
26	DCMI	0.22%	6,644	11,574	1,205	5.0%	10.6%	10.42	1.08	1,313,516	12,450	22.82%
27	U.S.Dollar	0.0004	552	15,234	2,327	9.0%	15.8%	7.73	1.18	17,781	17,200	74.51%
Tổng		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	93,591	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.59	2.90	5,509,951	61,200	108.56%
2	VIC	15.41%	334,989	12,008	1,692	2.3%	8.9%	75.07	10.58	2,732,562	127,600	202.02%
3	MSN	15.32%	106,842	12,819	2,748	4.5%	15.3%	37.11	7.96	2,038,438	102,500	122.71%
4	VNM	12.55%	284,883	16,105	7,094	32.2%	44.5%	27.67	12.19	2,350,965	195,700	41.06%
5	VCB	6.80%	255,082	14,584	2,527	1.0%	18.1%	28.06	4.86	2,497,128	67,900	96.84%
6	NVL	5.84%	63,096	19,411	2,488	4.7%	17.5%	29.66	3.80	4,288,718	74,500	36.74%
7	ROS	5.14%	47,300	12,003	1,794	9.1%	16.0%	55.75	8.33	1,352,589	107,000	-36.05%
8	PVS	5.10%	10,006	24,054	1,792	3.2%	6.7%	12.50	0.93	6,865,104	21,400	37.31%
9	SSI	4.08%	20,994	17,074	2,373	7.3%	14.7%	17.70	2.46	5,639,446	41,300	90.45%
10	STB	2.88%	28,137	12,326	655	0.3%	5.2%	23.81	1.27	11,738,516	15,450	22.35%
Tổng			88.72%									

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bố	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	VNM	5.65%	284,883	16,105	7,094	32.2%	44.5%	27.67	12.19	2,350,965	195,700	41.06%
2	VIC	2.76%	334,989	12,008	1,692	2.3%	8.9%	75.07	10.58	2,732,562	127,600	202.02%
3	MSN	1.81%	106,842	12,819	2,748	4.5%	15.3%	37.11	7.96	2,038,438	102,500	122.71%
4	HPG	1.43%	93,591	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.59	2.90	5,509,951	61,200	108.56%
5	ROS	0.63%	47,300	12,003	1,794	9.1%	16.0%	55.75	8.33	1,352,589	107,000	-36.05%
6	NVL	0.58%	63,096	19,411	2,488	4.7%	17.5%	29.66	3.80	4,288,718	74,500	36.74%
7	VRE	0.48%	98,476	13,710	824	5.6%	8.0%	62.90	3.78	8,631,917	50,800	0.00%
8	SSI	0.45%	20,994	17,074	2,373	7.3%	14.7%	17.70	2.46	5,639,446	41,300	90.45%
9	STB	0.32%	28,137	12,326	655	0.3%	5.2%	23.81	1.27	11,738,516	15,450	22.35%
10	SAB	0.28%	147,495	20,870	7,347	22.9%	35.1%	31.31	11.02	125,862	227,800	14.84%
11	PVS	0.20%	10,006	24,054	1,792	3.2%	6.7%	12.50	0.93	6,865,104	21,400	37.31%
12	SBT	0.19%	9,636	12,619	1,197	3.3%	8.3%	14.45	1.37	4,985,827	17,650	-28.95%
13	HSG	0.15%	7,349	15,610	3,510	6.4%	24.3%	5.98	1.35	3,369,551	19,750	-24.10%
14	TCH	0.14%	8,125	12,223	1,367	10.1%	11.2%	16.82	1.88	2,005,949	23,700	31.65%
15	DPM	0.13%	8,375	20,113	1,775	7.0%	8.5%	12.06	1.06	910,053	20,900	0.89%
16	KBC	0.10%	6,483	17,423	1,244	3.8%	6.6%	11.09	0.79	3,877,024	13,900	-9.51%
Tổng		15.3%										

ĐIỂM TIN NỘI BẬT:

Ngày 09/04/2018: Thứ 2

- Châu Á đang duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và dự kiến sẽ dẫn đầu thế giới về phát triển kinh tế trong bối cảnh sự phục hồi của các nền kinh tế lớn vẫn còn mong manh. "Báo cáo về nhất thể hóa kinh tế châu Á" cũng đã được công bố, trong đó dự báo nhu cầu đầu tư của châu Á sẽ vượt 8.000 tỷ USD vào năm 2020. Do đó, các nền kinh tế châu Á cần tận dụng cơ hội và hợp tác với nhau để hình thành thị trường tài chính gắn kết mang tầm cỡ thế giới thông qua chính sách cải cách.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ từ TCHQ, xuất khẩu than đá của Việt Nam trong tháng 2/2018 giảm cả lượng và trị giá so với tháng 1/2018, giảm lần lượt 0,2% và 9% tương ứng với 183,4 nghìn tấn, 22,1 triệu USD, tính chung từ đầu năm đến hết tháng 2 lượng than xuất khẩu đạt 355,7 nghìn tấn, đạt 44,9 triệu USD, tăng 72,1% về lượng và tăng 29,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2017. Giá xuất bình quân giảm 10,21%, xuống mức 129,22 USD/tấn.
- Tính chung đến hết quý 1, số tiền mà các nhà đầu tư nước ngoài đã rót vào thị trường chứng khoán Việt Nam đã đạt gần 589 triệu USD, tương đương khoảng 13.400 tỉ đồng. Bên cạnh đó, theo Bộ Kế hoạch Đầu tư, trong quý 1 năm nay đã có 1.285 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị vốn góp 1,89 tỉ USD, tăng 121,6% so với cùng kỳ năm 2017.

Ngày 10/04/2018: Thứ 3

- Theo số liệu mới nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ước tính quý I/2018, xuất khẩu gạo cả nước đạt hơn 1,36 triệu tấn với giá trị khoảng 669 triệu USD, tăng 9,4% về khối lượng nhưng tăng tới 24% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.
- Reuters thông tin, thị trường chứng khoán Nga, tỷ giá đồng Rúp và giá cổ phiếu của hàng loạt công ty lớn của Nga đã đồng loạt giảm chóng mặt trong phiên giao dịch ngày thứ Hai. Chỉ số RTS của chứng khoán Nga tính bằng đồng USD giảm hơn 11%, trong khi chỉ số MOEX tính bằng đồng Rúp giảm hơn 9% - mức thấp nhất tương ứng kể từ tháng 9 và tháng 11/2017. Thủ tướng Nga Dmitry Medvedev hôm nay 9/4 đã chỉ đạo chính phủ chuẩn bị các phương án đáp trả các lệnh trừng phạt mới của Mỹ, hãng tin Interfax cho biết.
- Trong điều kiện tăng trưởng các quý tiếp theo tiếp tục có những diễn biến thuận lợi như quý 1, Ủy ban Giám sát

Tài chính Quốc gia dự báo tăng trưởng GDP năm 2018 có thể đạt 6,9% - 7,1%..Đưa ra dự báo lạm phát cả năm 2018, Ủy ban Giám sát Tài chính cho rằng, nếu không có yếu tố đột biến, lạm phát năm 2018 sẽ tăng ở mức 3,5% - 3,8% so với cùng kỳ.

Ngày 11/04/2018: Thứ 4

■ Số liệu của Viện thanh toán quốc tế (IIF) cho thấy tổng số nợ toàn cầu tính đến quý IV/2017 đã tăng lên mức kỷ lục 237 nghìn tỷ USD, cao hơn 70 nghìn tỷ USD so với cách đây 10 năm. Trong đó, nợ hộ gia đình xét theo % GDP lên mức cao chưa từng có tại các nước như Bỉ, Canada, Pháp, Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ... Đây là một tín hiệu đáng lo ngại trong bối cảnh lãi suất bắt đầu tăng tại nhiều nơi trên thế giới. Mặc dù vậy, báo cáo của IIF cũng cho thấy tỷ lệ nợ trên GDP đã giảm quý thứ 5 liên tiếp do kinh tế thế giới tăng trưởng mạnh. Con số này hiện đang ở mức 317,8% GDP, thấp hơn 4 điểm phần trăm so với mức cao kỷ lục của quý III/2016.

Ngày 12/04/2018: Thứ 5

■ Tại Báo cáo Triển vọng Phát triển châu Á (ADO) công bố sáng 11/4, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) dự báo Việt Nam sẽ tiếp tục đạt được kết quả tăng trưởng mạnh mẽ, với tốc độ tăng trưởng GDP dự báo tăng lên 7,1% trong năm nay, và giảm xuống 6,8% trong năm 2019. ADB cũng dự báo lạm phát của Việt Nam sẽ đạt mức trung bình 3,7% trong năm nay, tăng lên so với mức 3,5% của năm 2017 và đạt tới 4,0% trong năm 2019, do sự gia tăng cầu nội địa và giá cả hàng hóa toàn cầu. Kim ngạch thương mại hàng năm của Việt Nam hiện vượt mức 185% GDP, khiến Việt Nam trở thành nền kinh tế phụ thuộc vào thương mại cao thứ hai ở Đông Nam Á, sau Singapore.

■ Tổng cục Hải Quan vừa công bố số liệu về tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam trong quý I.2018. Theo đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước trong quý I.2018 đạt 108,43 tỷ USD, tăng 18,9% tương ứng tăng 17,27 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 71,47 tỷ USD, tăng 20,8% tương ứng tăng 12,28 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2017. Nhờ xuất siêu gần 1,39 tỷ USD trong nửa cuối tháng 3, cán cân thương mại trong quý I.2018 đã thặng dư gần 2,7 tỷ USD. Tính đến hết tháng 3 năm 2018, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 55,56 tỷ USD, tăng 24,8% tương ứng tăng 11,05 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2017.

Ngày 13/04/2018: Thứ 6

■ Giới chức Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) kỳ vọng các nền kinh tế mới nổi trong khu vực sẽ tăng trưởng 6% trong năm 2018. Các nhà kinh tế của ADB lo ngại tăng trưởng của khu vực sẽ bị ảnh hưởng nếu Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tăng lãi suất với tốc độ nhanh hơn dự đoán. Ngoài ra, các nhà kinh tế cũng cảnh báo về khả năng gia tăng bất đồng thương mại do Tổng thống Donald Trump có lập trường theo chủ nghĩa bảo hộ thương mại. Theo khu vực, Nam Á sẽ vẫn là khu vực phát triển nhanh nhất ở Châu Á-Thái Bình Dương, với mức tăng trưởng được ADB ước tính trong năm nay là 7,0% và 7,2% trong năm 2019.

■ Nhà Trắng ngày 12/4 cho biết Tổng thống Mỹ Donald Trump đã chỉ thị các quan chức cấp cao xem xét khả năng tái gia nhập thỏa thuận Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) nếu có thể đạt được "một thỏa thuận tốt hơn." Quyết định được các nghị sỹ thuộc các bang có nền nông nghiệp mạnh của Mỹ hoan nghênh này có thể đánh dấu sự thay đổi 180 độ của Tổng thống Trump, khi chính ông là người phản đối TPP trong chiến dịch tranh cử và đã rút Mỹ khỏi hiệp định thương mại này ngay sau khi nhậm chức Tổng thống Mỹ năm ngoái.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO NGÀY

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	CAV	53.4	59.2	48.7	53.4	52.9					Muathêm
	LSS	9.5	10.5	8.6	9.6	9.4					Chờkhớp
	TNG	14.0	15.6	12.8	14.2	13.9					Chờkhớp
	VE9	5.7	6.3	5.2	6.0	5.6					Chờkhớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	PVS	21.9	24.3	20.0	21.4	21.7		13/04/2018		-1.4%	Nắm giữ
	BMP	71.3	79.1	65.0	69.5	70.6		13/04/2018		-1.6%	Nắm giữ
	PET	10.9	12.1	9.9	10.8	10.8		04/12/2018		0.0%	Nắm giữ
	HD2	13.7	15.2	12.5	13.5	13.6		13/04/2018		-0.7%	Nắm giữ
	VCA	16.9	18.7	15.4	18.3	16.7		13/04/2018		9.6%	Nắm giữ
	LPB	16.6	18.4	15.1	16.7	16.4		13/04/2018		1.8%	Nắm giữ
	CAV	51.5	57.1	46.9	53.4	51.0		13/04/2018		4.7%	Nắm giữ
	CTG	36.8	40.8	33.5	34.2	36.4		04/11/2018		-6.0%	Cần bán
	DGW	27.0	29.9	24.6	27.5	26.7		04/11/2018		3.0%	Nắm giữ
	SAB	229.8	254.8	209.3	227.8	227.5		04/11/2018		0.1%	Nắm giữ
	VMC	51.5	57.1	46.9	50.9	51.0		04/10/2018		-0.2%	Nắm giữ
	QCG	13.9	15.5	12.7	13.5	13.8		04/10/2018		-2.2%	Nắm giữ
	C32	37.4	41.4	34.0	35.7	37.0		04/10/2018		-3.6%	Cần bán
	ITD	11.0	12.2	10.0	10.5	10.9		04/06/2018		-3.7%	Nắm giữ
	CNG	30.7	34.0	28.0	29.2	30.4		04/05/2018		-3.9%	Nắm giữ
	CTP	9.1	10.1	8.3	8.8	9.0		04/04/2018		-2.2%	Nắm giữ
	NLG	36.4	40.3	33.1	40.3	36.0		29/03/2018		11.9%	Nắm giữ
	VIT	14.6	16.2	13.3	14.8	14.5		23/03/2018		2.1%	Nắm giữ
HMC	15.7	17.4	14.3	16.0	15.5		21/03/2018		3.2%	Nắm giữ	
CVT	48.5	53.8	44.2	49.6	48.0		16/03/2018		3.3%	Nắm giữ	
LTG	42.1	46.7	38.4	43.3	41.7		16/03/2018		3.8%	Nắm giữ	
Danh Mục Đã Bán	CEO	10.8	12.0	9.8	11.5	10.7	12.5	21/02/2018	26/03/2018	16.8%	Đã bán
	CMG	25.0	27.8	22.8	28.7	24.8	29.5	14/03/2018	04/11/2018	19.0%	Đã bán
	CCL	4.0	4.4	3.6	4.4	4.0	4.4	02/12/2018	27/03/2018	11.1%	Đã bán
	QNS	51.1	56.7	46.6	55.80	50.60	57.5	02/05/2018	30/03/2018	13.6%	Đã bán
	VCS	227.5	252.2	207.2	127.00	225.20	127.0	03/02/2018	04/10/2018	16.3%	Đã bán
	VNM	202.0	224.0	184.0	207.0	200.0	207.0	22/02/2018	30/03/2018	3.5%	Đã bán
	PVT	20.0	22.2	18.2	20.3	19.8	20.2	16/03/2018	27/03/2018	2.0%	Đã bán
	SCR	12.4	13.8	11.3	12.6	12.3	12.7	03/05/2018	26/03/2018	3.3%	Đã bán
	TDH	14.8	16.5	13.5	15.2	14.7	15.2	03/05/2018	26/03/2018	3.4%	Đã bán
	DHG	108.1	119.8	98.4	112.3	107.0	113.0	21/03/2018	04/09/2018	5.6%	Đã bán
	CSM	15.2	16.8	13.8	14.5	15.0	14.6	03/12/2018	30/03/2018	-2.7%	Đã bán
	NCT	102.0	113.1	92.9	97.5	101.0	100.5	23/03/2018	13/04/2018	-0.5%	Đã bán
	THG	41.7	46.3	38.0	39.0	41.3	39.3	23/03/2018	13/04/2018	-5.0%	Đã bán
	EVE	18.2	20.2	16.6	17.2	18.0	17.5	04/06/2018	04/12/2018	-2.8%	Đã bán
	AST	80.8	89.6	73.6	77.9	80.0	77.9	28/03/2018	04/12/2018	-2.6%	Đã bán
	SDI	101.0	112.0	92.0	96.5	100.0	96.5	23/03/2018	04/12/2018	-3.5%	Đã bán
	DRH	19.7	21.8	17.9	18.4	19.5	18.5	04/06/2018	04/11/2018	-5.1%	Đã bán
	PTB	109.1	121.0	99.4	101.5	108.0	104.0	04/02/2018	04/11/2018	-3.7%	Đã bán
BCC	7.5	8.3	6.8	7.2	7.4	7.3	23/03/2018	04/11/2018	-1.4%	Đã bán	
BSR	26.4	29.2	24.0	24.3	26.1	24.5	04/02/2018	04/06/2018	-6.1%	Đã bán	
LDG	25.7	28.4	23.4	24.8	25.4	24.2	20/03/2018	23/03/2018	-4.7%	Đã bán	
CTI	35.7	39.5	32.5	34.7	35.3	34.5	23/03/2018	28/03/2018	-2.3%	Đã bán	
DPM	23.2	25.8	21.2	22.1	23.0	22.3	15/03/2018	28/03/2018	-3.0%	Đã bán	

LPB	16.4	18.1	14.9	15.5	16.2	15.6	21/03/2018	26/03/2018	-3.7%	Đã bán
SHB	13.7	15.2	12.5	12.9	13.6	13.2	19/03/2018	26/03/2018	-2.9%	Đã bán
FTS	15.5	17.1	14.1	15.1	15.3	15.2	13/03/2018	26/03/2018	-0.7%	Đã bán
BMP	77.5	85.9	70.6	72.5	76.7	70.6	22/03/2018	29/03/2018	-8.0%	Đã bán
PVD	22.4	24.9	20.4	20.8	22.2	20.2	23/03/2018	27/03/2018	-9.0%	Đã bán
TA9	15.0	16.7	13.7	13.5	14.9	13.7	21/03/2018	26/03/2018	-8.1%	Đã bán
TLH	12.1	13.4	11.0	11.3	12.0	11.4	13/03/2018	26/03/2018	-5.0%	Đã bán
ANV	11.0	12.2	10.0	21.00	10.90	21.1	28/12/2017	14/03/2018	93.6%	Đã bán
HDG	36.8	40.8	33.5	49.80	36.40	50.0	01/10/2018	03/12/2018	37.4%	Đã bán
TV2	185.8	206.1	169.3	240.5	184.0	241.2	22/02/2018	03/12/2018	31.1%	Đã bán
PVI	33.7	37.4	30.7	41.50	33.40	41.5	17/01/2018	03/07/2018	24.3%	Đã bán
TDG	11.1	12.3	10.1	12.56	11.00	12.6	26/01/2018	03/06/2018	14.5%	Đã bán
FMC	27.2	30.1	24.7	29.8	26.9	30.4	26/02/2018	03/08/2018	13.0%	Đã bán
TNA	36.3	40.2	33.0	37.5	35.9	37.5	02/09/2018	03/06/2018	8.9%	Đã bán
SHB	12.2	13.6	11.1	12.6	12.1	12.7	02/08/2018	03/06/2018	5.0%	Đã bán
HPG	64.3	71.3	58.6	66.7	63.7	66.3	27/02/2018	03/02/2018	4.1%	Đã bán
NCT	98.0	108.6	89.2	100.0	97.0	99.5	02/09/2018	03/12/2018	2.6%	Đã bán
APG	5.9	6.5	5.3	6.02	5.80	6.0	26/01/2018	03/12/2018	4.0%	Đã bán
NVB	7.7	8.5	7.0	8.10	7.60	8.3	18/01/2018	03/12/2018	9.2%	Đã bán
DGW	23.1	25.6	21.1	24.7	22.9	24.6	26/02/2018	22/03/2018	7.4%	Đã bán

Liên hệ trung tâm nghiên cứu VNCS:

Lưu Chí Kháng

Chuyên viên phân tích - P.Phân Tích

Mobile: 0946 976 245

Email: khanglc@vn-cs.com, khangluuchi@gmail.com.

Đỗ Thị Hường

Trợ lý phân tích - P.Phân Tích

Mobile: 0983 126 496

Email: huongdt@vn-cs.com.

Email: vncs.research@vn-cs.com

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099

Webiste: www.vn-cs.com